TÒA ÁN ND HUYỆN CHIÊM HÓA **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2019/HSST
Ngày 06/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: *Ông Hồ Hữu Việt*
Các Hội thẩm nhân dân: *1. Ông Lý Văn Tòng*
2. Ông Hà Quang Phượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: *Bà Bàn Thị Bích Duyên*, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: *Ông Nguyễn Việt Hưng*, Kiểm sát viên VKSND huyện Chiêm Hóa**.**

Trong các ngày 05, 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2019/TLST - HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST - HS ngày 19/02/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Văn Th.** - Sinh ngày 17/8/1987;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Họ và tên bố: Đặng Văn C., sinh năm 1964; Họ và tên mẹ: Bàn Thị P., sinh năm 1965; Vợ, con: Không;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Bàn Văn L.** - Sinh ngày 19/7/1992;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Bàn Văn D., sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Đặng Thị T., sinh năm 1959; Vợ: Triệu Thị L., sinh năm 1990; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Bàn Văn D.** - Sinh tháng 7/1971;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Bản C., xã Tri P., huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Họ và tên bố: Bàn Văn H., sinh năm 1952; Họ và tên mẹ: Nông Thị H., sinh năm 1952; Vợ: Bàn Thị C., sinh năm 1972; Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/9/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: **Hoàng Văn Ng. .**- Sinh ngày 25/12/1974;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Bản T., xã Tri P., huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Họ và tên bố: Hoàng Dần T., sinh năm 1938; Họ và tên mẹ: Lý Thị N., sinh năm 1943; Vợ: Bàn Thị T., sinh năm 1974; Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số: 35/PTHS ngày 25/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Đã chấp hành xong.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: **Lý Văn H..**- Sinh ngày 01/01/1983;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Lung L., xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12; Họ và tên bố: Lý Văn B., sinh năm 1945 (đã chết); Họ và tên mẹ: Bàn Thị T., sinh năm 1946; Vợ, con: Không;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/9/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: **Đặng Văn T.**- Sinh ngày 06/5/1983;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Đặng Văn C., sinh năm 1964; Họ và tên mẹ: Bàn Thị P., sinh năm 1965; Vợ: Bàn Thị T., sinh năm 1982; Có 01 con, sinh năm 2011;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: **Hà Văn Tr.**- Sinh ngày 03/4/1978;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Bản T., xã Tri P., huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Hà Văn K. (đã chết); Họ và tên mẹ: Hứa Thị L., sinh năm 1948; Vợ: Triệu Thị B., sinh năm 1983; Có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ và tên: **Bàn Văn C.**- Sinh ngày 25/12/1978;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Khuổi L., xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Họ và tên bố: Bàn Văn S., sinh năm 1945 (đã chết); Họ và tên mẹ: Bàn Thị T., sinh năm 1944; Vợ: Lý Thị N., sinh năm 1982; Có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Họ và tên: **Bàn Văn T.**- Sinh ngày 26/12/1981;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Bàn Văn T., sinh năm 1954; Họ và tên mẹ: Chu Thị H., sinh năm 1956; Vợ: Lý Thị H., sinh năm 1986; Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/9/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Họ và tên: **Lý Văn L.**- Sinh ngày 20/6/1993;

- Nơi ĐKHKTT,chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Đặng Văn M., sinh năm 1972; Họ và tên mẹ: Bàn Thị B., sinh năm 1973; Vợ: Đặng Thị T., sinh năm 1995; Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Họ và tên: **Đặng Văn T.**- Sinh ngày 15/9/1974;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 02/12; Họ và tên bố: Đặng Minh Đ., sinh năm 1947 (đã chết); Họ và tên mẹ: Bàn Thị T., sinh năm 1957; Vợ: Bàn Thị D., sinh năm 1972; Có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

12. Họ và tên: **Đặng Văn H.** - Sinh ngày 27/12/1976;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Họ và tên bố: Đặng Minh Đ., sinh năm 1947 (đã chết);Họ và tên mẹ: Bàn Thị T., sinh năm 1957; Vợ: Lý Thị H., sinh năm 1977; Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2000;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

13. Họ và tên: **Lý Văn L.**- Sinh ngày 04/9/1991;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Họ và tên bố: Lý Văn H., sinh năm 1971; Họ và tên mẹ: Bàn Thị H., sinh năm 1973; Vợ: Đặng Thị T., sinh năm 1992; Có 01 con, sinh năm 2012;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

14. Họ và tên: **Bàn Văn S**- Sinh ngày 16/01/1979;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Lung L., xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; Họ và tên bố: Bàn Văn L., sinh năm 1960 (đã chết); Họ và tên mẹ: Đặng Thị T., sinh năm 1961; Vợ: Triệu Thị H., sinh năm 1982; Có 04 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2011;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/9/2018. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

15. Họ và tên: **Lý Văn L.**- Sinh ngày 10/6/1982;

- Nơi ĐKHKTT, chỗ ở hiện nay: thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12;

- Chức vụ, đoàn thể, đảng phái trước khi phạm tội: Đảng viên - Bí thư chi bộ- trưởng thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh tuyên Quang.

- Họ và tên bố: Đặng Triệu S., sinh năm 1961; Họ và tên mẹ: Bàn Thị T., sinh năm 1964; Vợ: Bàn Thị Á, sinh năm 1984; Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số: 29/HSST ngày 23/7/2004 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, xử phạt 20 tháng tù treo về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Đã chấp hành xong.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

** Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T., Hà Văn Tr.:* Ông Nịnh Văn Mão - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt tại phiên tòa)

** Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T., Hoàng Văn Ng.:* Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Văn S., sinh năm 1954; trú tại: Thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 10 phút ngày 12/9/2018, tại nhà bếp của anh Đặng Văn S., trú tại thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tổ công tác Công an huyện Chiêm Hóa phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bàn Văn D.; Bàn Văn S.; Lý Văn H.; Bàn Văn T.và một số đối tượng khác đã bỏ chạy đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa cá cược thua thắng bằng tiền Việt Nam đồng. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc gồm: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân bạc làm bằng đóm tre; 01 mảnh bạt kích thước 34 x 42cm (dùng làm bảng vị); 03 mảnh bạt dứa (kích thước 120 x 88cm; 107 x 104cm; 90

x 90cm); số tiền 5.820.000đ; Thu giữ trên người Bàn Văn T.số tiền 100.000đ, Bàn Văn D. số tiền 2.650.000đ. (Tổng cộng: 8.470.000 đồng).

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 21 giờ ngày 11/9/2018, sau khi mọi người ăn cơm xong tại nhà anh Đặng Văn S., trú tại thôn Mã L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (S. nhờ người đến hộ dựng nhà bếp) thì Đặng Văn Th. rủ Bàn Văn L. *"làm tý không"* (ý nói rủ đánh bạc) thì L. đồng ý và bảo Th. đi chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, còn L. về nhà lấy tiền và bảng vị.

Sau đó Th. lấy dao, tre ở sân nhà S. cắt thành 04 quân bạc dùng nhọ nồi bôi đen một mặt và lấy một bát sứ, một đĩa sứ ở gốc cây nhãn gần đó vào nhà bếp của anh S. cùng Bàn Văn L.; Đặng Văn Th.; Bàn Văn S.; Lý Văn H..để đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa cá cược được thua bằng tiền Việt Nam đồng, mỗi ván thấp nhất từ 10.000đ trở lên, cao nhất thì không xác định, quá trình đánh bạc Thế là người sóc cái, Long sử dụng bảng vị để đánh bạc. Khoảng 10 phút sau có Lý Văn L., Lý Văn L., Đặng Văn T., Lý Văn L., Đặng Văn H., Bàn Văn Th.; Hoàng Văn Ng., Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn D. cùng lần lượt đến tham gia đánh bạc. Các bị can đánh bạc đến 00 giờ 10 phút ngày 12/9/2018 thì bị tổ công tác Công an huyện Chiêm Hóa phát hiện lập biên bản quả tang.

*** Về vật chứng:** Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa tạm giữ số tiền 5.820.000đ; của Bàn Văn T.100.000đ; Bàn Văn D. 2.650.000đ; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân bạc bằng đóm tre (kích thước 01 x 01cm) một mặt màu đen, một mặt để trắng; 01 mảnh bạt (kích thức 34 x 42cm) dùng làm bảng vị, một mặt màu trắng, một mặt có chữ, số, nhiều hình tròn màu đen, màu đỏ; 03 mảnh bạt một mặt màu cam, một mặt màu xanh dương (kích thước 120 x 88cm; 107 x 104cm; 90 x 90cm) và tạm giữ của Bàn Văn L. 300.000đ.

*** Vai trò; số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc; thắng, thua được các bị cáo tự xác định như sau:**

Đặng Văn Th. (không có tiền là người khởi sướng, chuẩn bị: 04 quân bạc, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và là người sóc cái cho mọi người đánh bạc);

Bàn Văn L. là người chuẩn bị bảng vị, sử dụng bảng vị để đánh bạc và dùng 1.570.000đ tham gia đánh bạc, khi bị bắt còn 300.000đ;

Bàn Văn D. sử dụng 1.200.000đ, khi bị bắt thắng 1.450.000đ;

Hoàng Văn Ng. .= 900.000đ (thua hết);

Lý Văn H..= 250.000đ (thua hết); Đặng Văn T.= 250.000đ (thua hết);

Hà Văn Tr.= 200.000đ (thua hết); Bàn Văn Ch. = 200.000đ (thua hết);

Bàn Văn T.= 200.000đ, (thua 100.000đ); Lý Văn L.= 150.000đ (thua hết);

Đặng Văn T.= 100.000đ (thua hết); Đặng Văn H. = 100.000đ (thua hết);

Lý Văn L.= 100.000đ (thua hết); Bàn Văn S= 70.000đ (thua hết);

Lý Văn L.= 40.000đ (thua hết).

Số tiền các bị cáo tự khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc cộng là 5.330.000đ. Tuy nhiên các bị can đều thừa nhận số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc 5.820.000đ; thu giữ trên người Bàn Văn T.100.000đ; Bàn Văn L. 300.000đ và Bàn Văn D. 2.650.000đ đều sử dụng vào việc đánh bạc, vì vậy tổng số tiền các bị can đánh bạc vào đêm ngày 11 và rạng sáng 12/9/2018 tại thôn Mã

L. , xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang được quy kết là: 8.870.000đ *(tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).*

Trước Cơ quan điều tra Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn D.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn L.đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Từ nội dung trên, tại cáo trạng số 09/CT-VKSCH ngày 28 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố: Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn D.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn L.về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Văn Ng. .khai chỉ có 150.000đ đã sử dụng vào việc đánh bạc, nhưng đã khai nhận tại cơ quan điều tra là 900.000đ là tự khai không đúng, các bị cáo khác đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được nêu trong bản Cáo trạng. Đại diện Viện kiển sát giữ nguyên quan điểm, nội dung truy tố và đề nghị:

Về áp dụng pháp luật, tội danh và đề nghị xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn) Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt **Đặng Văn Th.** và **Bàn Văn L.** mỗi bị cáo từ 08 đến 10 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 65; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn) Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt **Bàn Văn D., Lý Văn H., và Đặng Văn T.**mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn) Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Hà Văn Tr., Bàn Văn Ch., Lý Văn L.**mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ **Đặng Văn T., Đặng Văn H., Lý Văn L.**mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ **Bàn Văn T.**từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/9/2018;

+ **Bàn Văn S**từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/9/2018;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 (là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn) Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Hoàng Văn Ng. .**từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ;

+ **Lý Văn L.**từ 06 đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn D.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn

Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn L.đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hoặc là người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, nên không áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu tại chiếu bạc: 5.820.000đ; của Bàn Văn T.100.000đ; Bàn Văn D. 2.650.000đ và của Bàn Văn L. 300.000đ. Tổng cộng 8.870.000đ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân bạc bằng đóm tre (kích thước 01 x 01cm) một mặt màu đen, một mặt để trắng; 01 mảnh bạt (kích thước 34 x 42cm) dùng làm bảng vị, một mặt màu trắng, một mặt có chữ, số, nhiều hình tròn màu đen, màu đỏ; 03 mảnh bạt một mặt màu cam, một mặt màu xanh dương (kích thước 120 x 88cm; 107 x 104cm; 90 x 90cm).

Ngoài ra đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

** Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang là người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T., Hoàng Văn Ng. .có đề nghị:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 65; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Văn Th. mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn Ng. .mức khởi điểm của khung hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

** Ông Nịnh Văn Mão - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang là người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T., Hà Văn Tr.có đề nghị:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36 BLHS; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Văn T., Hà Văn Tr.cải tạo không giam giữ mức thấp nhất. Ngoài ra trợ giúp viên còn đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét thấy:

1. Xét về hành vi, quyết định tố tụng:

Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về áp dụng pháp luật: Tại cáo trạng số 09/CT-VKSCH ngày 28 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố:

Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn D.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn L.về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa này các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được nêu trong bản Cáo trạng, tuy các bị cáo chỉ tự khai nhận sử dụng số tiền từng người dùng để đánh bạc cộng lại là 5.330.000đ, nhưng kết quả điều tra xác định số tiền thu giữ tại chiếu bạc 5.820.000đ, thu trên người Thái 100.000đ, Long 300.000đ, Dự 2.650.000đ, tổng cộng 8.870.000đ, đều được các bị cáo công nhận là tiền được dùng để đánh bạc, không thể chứng minh làm rõ số tiền chênh lệch do các bị cáo không theo dõi, kiểm tra số tiền của nhau từ trước khi tham gia. Trong vụ án này cùng một chiếu bạc với 15 người lần lượt tham gia, nhưng chỉ đủ tình tiết xác định có người khởi xướng, chuẩn bị phương tiện, không có dấu hiệu rủ rê, lôi kéo, tạo lập nhóm đánh bạc nên không đủ dấu hiệu cấu thành tội Tổ chức đánh bạc, mà chỉ đủ dấu hiệu cấu thành một tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

3. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Bàn Văn D.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Bàn Văn D. chưa từng bị kết án, không có tiền sự, lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho các bị cáo. Riêng các bị cáo Đặng Văn T.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn S có thân nhân được Nhà nước khen thưởng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng thêm cho các bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Văn Ng.; Lý Văn L. đều là người nghèo hoặc cận nghèo và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nhận tội,

chưa có tiền sự nhưng đã từng bị kết án, đều có thân nhân được Nhà nước khen thưởng, nên chỉ được áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

5. Về vai trò, mức độ phạm tội và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, cả 15 bị cáo đánh bạc liên tục cùng một chiếu bạc, tổng số tiền vụ bạc được xác định là 8.870.000đ là gần với mức thấp nhất đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS nên tương xứng với mức án thấp trong khung hình phạt.

Đối với các bị cáo **Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Lý Văn H.; Bàn Văn Th.; Bàn Văn S**là người tham gia từ đầu.

Trong đó: Đặng Văn Th. là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội, tuy không bỏ tiền cá cược nhưng trực tiếp xóc cái cho đồng bọn cá cược với nhau, nên Thế giữ vai trò chính trong vụ án với vị trí đầu vụ.

Bàn Văn L. tuy được Thế khởi xướng, nhưng tích cực chuẩn bị công cụ bảng vị để thực hiện việc phạm tội cùng lúc với nhiều người, có số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất trong vụ bạc, nên Bàn Văn L. giữ vai trò sau nhưng mức độ phạm tội thể hiện ngang với vị trí của Đặng Văn T..

Đối với 02 bị cáo: Lý Văn H., Đặng Văn T.(cùng tham gia từ đầu với Đặng Văn T., Bàn Văn L., Bàn Văn S.), đều là người chỉ tham gia cá cược trực tiếp, Hướng và Thành có số tiền sử dụng đánh bạc bằng nhau nhưng ít hơn nhiều so với Bàn Văn L. và nhiều hơn so với Bàn Văn S., nên Lý Văn H., Đặng Văn T.là người giữ vai trò thấp hơn Th. và L., căn cứ mức độ tham gia và vị trí trong vụ án thì Hướng và Thành được áp dụng mức án thấp hơn Đặng Văn Th. và Bàn Văn L., nhưng cao hơn Bàn Văn S..

Đối với các bị cáo **Bàn Văn D.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn L.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.**đều là người đến sau so với 05 bị cáo nêu trên, đều có vai trò là người trực tiếp cá cược với nhau.

Riêng Bàn Văn D. sử dụng 1.200.000đ, tuy đi ngang qua đến tham gia sau nhưng số tiền đưa ra để cùng đánh bạc nhiều hơn Lý Văn H..và Đặng Văn T..là người tham gia từ đầu, nên Bàn Văn D. phải giữ vị trí, mức độ phạm tội tương đương với Lý Văn H..và Đặng Văn Th..

Hoàng Văn Ng. .tự khai lại là chỉ đánh bạc 150.000đ nhưng từng bị kết án nên không được coi là phạm tội lần đầu, các bị cáo Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn T.và Lý Văn L.đều sử dụng số tiền để đánh bạc gần bằng nhau, cùng vai trò là người tham gia phạm tội lần đầu, căn cứ vào mức độ tham gia nên xếp các bị cáo Ng., T., Ch., Th., H. vị trí sau 5 bị cáo nêu trên.

Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.đều tham gia sau và số tiền sử dụng ít hơn đáng kể so với 10 bị cáo nêu trên nên được xếp vị trí thấp hơn.

Bàn Văn Ssử dụng số tiền ít hơn 13 bị cáo trên nhưng tham gia từ đầu; Lý Văn L.sử dụng số tiền ít nhất trong vụ án nhưng đã từng can án, nên Lý Văn L.và Bàn Văn S cùng xếp vị trí ngang với Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L. trong vụ án.

Về đường lối xử lý: Cả 15 bị cáo đánh bạc liên tục cùng một chiếu bạc, tổng số tiền vụ bạc được xác định là 8.870.000đ là gần với mức thấp nhất trong khung hình phạt, cả 15 bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều

kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo, các bị cáo có nơi ở ổn định, phạm tội sau khi tập trung ăn cơm dựng nhà tại gia đình ông Đặng Văn S., không do dự mưu trước, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù đối với **Đặng Văn Th. và Bàn Văn L.** có vai trò cao nhất vụ án là phù hợp, có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm.

Các bị cáo **Lý Văn H., Đặng Văn T.**tham gia từ đầu, số tiền phạm tội không nhiều, **Bàn Văn D.** có số tiền nhiều hơn Hướng và Thành nhưng tham gia sau, cả 3 bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thuộc khoản 1 và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên xử phạt tù thấp hơn Đặng Văn Th. và Bàn Văn L., nhưng cho hưởng án treo là hợp lý.

Bị cáo **Hoàng Văn Ng. .**đã can án nên chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn tại khoản 1 và theo khoản 2 Điều 51 BLHS nên không đủ điều kiện được hưởng án treo; các bị cáo **Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn T.**và **Lý Văn L.**đều tham gia sau và mức độ tham gia vị trí thấp hơn 06 bị cáo trên, nên cho các bị cáo hưởng mức án Cải tạo không giam giữ quy đổi thấp hơn các bị cáo Lý Văn H., Đặng Văn T.và Bàn Văn D..

Các bị cáo **Đặng Văn T., Đặng Văn H., Lý Văn L.**giữ vị trí thấp hơn 10 bị cáo nêu trên; **Bàn Văn S**số tiền ít nhưng tham gia từ đầu và **Lý Văn L.**mức tiền tham gia thấp nhất nhưng chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS, nên Bàn Văn S và Lý Văn L.chịu mức án cải tạo không giam giữ ngang với các bị cáo Đặng Văn T., Đặng Văn H., Lý Văn L.là hợp lý.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hầu hết các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, và miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian thi hành án cho các bị cáo cải tạo không giam giữ.

6. Vật chứng liên quan đến vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nơi đánh bạc số tiền 5.820.000đ; của Bàn Văn T.100.000đ; Bàn Văn D. 2.650.000đ và tạm giữ của Bàn Văn L. 300.000đ, tổng cộng 8.870.000đ là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Các tang vật khác gồm 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân bạc bằng đóm tre (kích thước 01 x 01cm) một mặt màu đen, một mặt để trắng; 01 mảnh bạt (kích thức 34 x 42cm) dùng làm bảng vị, một mặt màu trắng, một mặt có chữ, số, nhiều hình tròn màu đen, màu đỏ; 03 mảnh bạt một mặt màu cam, một mặt màu xanh dương (kích thước 120 x 88cm; 107 x 104cm; 90 x 90cm) là công cụ dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với ông Đặng Văn S. là chủ nhà nơi các bị cáo tham gia đánh bạc, nhưng ông Sơn không biết các bị cáo sử dụng công cụ, nhà ở của mình để đánh bạc nên không xem xét xử lý.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

1.1. Căn cứ Khoản 1 Điều 321 BLHS: Các bị cáo Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Bàn Văn D.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn L.phạm tội *"Đánh bạc"*.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

- Bị cáo **Đặng Văn Th.** 08 (Tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án;

- Bị cáo **Bàn Văn L.** 08 (Tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày chấp hành bản án.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

- Bị cáo **Bàn Văn D.** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Bị cáo **Lý Văn H..**06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Bị cáo **Đặng Văn T.**06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao Bàn Văn D. cho UBND xã Tri P., huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; giao Lý Văn H..và Đặng Văn T.cho UBND xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định tại Mục 1 chương V Luật Thi hành án hình sự; trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú phải thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nêu trên, các bị cáo Bàn Văn D., Lý Văn H..và Đặng Văn T.phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 64 Luật Thi hành án hình sự và Điều 65 BLHS, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

- Bị cáo **Hoàng Văn Ng. .**12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Lý Văn L.**09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt:

- Bị cáo **Hà Văn Tr.**12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Bàn Văn Ch.** 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Bàn Văn T.**12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/9/2019 đến ngày 17/9/2019 là 06 ngày quy đổi thành 18 ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Lý Văn L.**12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Đặng Văn T.**09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Đặng Văn H.** 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Lý Văn L.**09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án;

- Bị cáo **Bàn Văn S**09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/9/2019 đến ngày 17/9/2019 là 06 ngày quy đổi thành 18 ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày thi hành Bản án.

Giao 02 bị cáo gồm Hoàng Văn Ng., Hà Văn Tr.cho UBND xã Tri P., huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; giao 08 bị cáo gồm Bàn Văn Ch., Bàn Văn Th., Lý Văn L., Đặng Văn T., Đặng Văn H., Lý Văn L., Bàn Văn S., Lý Văn L.cho UBND xã Linh P. , huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục theo quy định tại khoản 2,3,4 Điều 36 BLHS và Mục 3 chương V Luật THA Hình sự, miễn phần khấu trừ thu nhập cho các bị cáo chịu loại hình phạt Cải tạo không giam giữ .

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.870.000đ *(Tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)* là tiền sử dụng vào việc phạm tội (*Hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3591.0.1065091.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 29/01/2019).*

- Tịch thu tiêu hủy các tang vật gồm 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân bạc bằng đóm tre (kích thước 01 x 01cm) một mặt màu đen, một mặt để trắng; 01 mảnh bạt (kích thức 34 x 42cm) dùng làm bảng vị, một mặt màu trắng, một mặt có chữ, số, nhiều hình tròn màu đen, màu đỏ; 03 mảnh bạt một mặt màu cam, một mặt màu xanh dương (kích thước 120 x 88cm; 107 x 104cm; 90 x 90cm) là dụng cụ dùng vào việc đánh bạc.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/01/2019 giữa Cơ quan điều tra công an huyện Chiêm Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14:

Các bị cáo Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Bàn Văn D.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn

T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn L., mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 61, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo Đặng Văn T.; Bàn Văn L.; Bàn Văn S.; Lý Văn H.; Đặng Văn Th.; Bàn Văn D.; Hà Văn Tr.; Bàn Văn Ch.; Bàn Văn Th.; Lý Văn L.; Đặng Văn T.; Đặng Văn H.; Lý Văn L.; Hoàng Văn Ng.; Lý Văn L.có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án; người liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3/2019).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện CH;*
- *Sở tư pháp;*
- *Cơ quan ĐT CA huyện CH;*
- *Cơ quan THAHS CA huyện CH;*
- *Chi cục THADS huyện CH;*
- *Phòng HSNV, CA tỉnh TQ;*
- *Các bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Hữu Việt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Hà Quang Phượng - Lý Văn Tòng	**Hồ Hữu Việt**